

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 311/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Hòa.

Bà Vũ Thị Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 335/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 345/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh ngày 21/3/1993,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.  
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992 và chị Trịnh Thanh H1, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Xuân T1, sinh ngày 23/3/1988,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.  
Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Vũ Văn B, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:* Chị và anh Vũ Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 23/02/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng được khoảng hai tuần thì vợ chồng cùng sang Đài Loan làm việc. Do tính chất công việc nên anh chị không sống cùng nhau mà mỗi người ở một nơi. Ở Đài Loan được khoảng 5 tháng thì chị về nước do chị có thai, còn anh T1 vẫn ở lại Đài Loan làm việc. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung, vợ chồng không thống nhất được cách nuôi dạy con cái, mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu nhưng anh không đứng ra hòa giải mà một mực nghe theo mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng có nhiều áp lực, mệt mỏi. Bên cạnh đó, anh T1 không chung thủy với chị, anh đã có người phụ nữ khác. Sau đó anh có về phép một vài lần, lần cuối cùng vào cuối năm 2019. Tháng 3/2021 chị cũng sang Đài Loan làm việc, chị có tìm gặp anh T1 nhưng anh né tránh không gặp mặt, chị tìm cách liên lạc để nói chuyện nhưng anh từ chối không gặp. Vợ chồng sống xa cách từ cuối năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vũ Xuân T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Ngọc Mai A, sinh ngày 02/02/2017 và Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 26/8/2019, hiện cháu Hương G đang ở với ông bà ngoại, cháu Mai A đang ở với ông bà nội. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Hương G, giao con Mai A cho anh T1 nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị không có mặt ở Việt Nam chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Phạm Văn C thay chị chăm sóc cháu Hương G cho đến khi chị về nước và chị có trách nhiệm gửi tiền về cho ông C nuôi dưỡng cháu Hương G. Trong thời gian anh T1

không có mặt ở Việt Nam, chỉ nhất trí để cháu Mai A ở với ông Vũ Văn B cho đến khi anh T1 về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị H đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Trịnh Thanh H1 thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1. Ông Vũ Văn B (bố đẻ anh T1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T1 vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết, thông qua gia đình anh T1 xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Mai A, nhất trí để chị H nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Hương G cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho ông thay anh chăm sóc con Vũ Ngọc Mai A cho đến khi anh về nước, anh T1 có trách nhiệm gửi tiền về cho ông nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Mai A. Trong thời gian chị H không có mặt ở Việt Nam anh nhất trí để cháu Hương G ở với ông Phạm Văn C cho đến khi chị H về nước. Tài sản chung không có nên anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị H, anh T1 là cháu Vũ Ngọc Mai A có nguyện vọng được ở với chị H và ông C.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị H, anh T1 kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị H và anh T1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống vợ chồng cùng có thời gian đi lao động ở nước ngoài, thời gian sinh con chị H về nước, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Hiện tại cả hai anh chị cùng đang ở nước ngoài, chưa về nước. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Vũ Xuân T1. Về con chung: Giao con chung Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 26/8/2019 cho chị H; giao con chung Vũ Ngọc Mai A, sinh ngày 02/02/2017 cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị H, anh T1 không có mặt tại Việt Nam, anh chị nhất thống nhất giao con chung Vũ Ngọc Hương G cho ông Phạm Văn C và giao con chung Vũ Ngọc Mai A cho ông Vũ Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh chị về nước. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H, bị đơn anh Vũ Xuân T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh thôn T, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện chị H và anh T1 đang sinh sống, làm việc ở Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị H không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Trịnh Thanh H1 thay chị giao, nhận văn bản tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn và các tài liệu của chị đã được UBND xã G, thành phố H chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông B là bố đẻ anh T1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông B vẫn liên lạc với anh T1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T1. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 23/02/2016 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời

trình bày của chị H, anh T1, có đủ cơ sở xác định trong cuộc sống chị H và anh T1 có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không tin tưởng và không chia sẻ với nhau. Anh chị đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau, chị H xin ly hôn, anh T1 nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Xuân T1 có 02 con chung là Vũ Ngọc Mai A, sinh ngày 02/02/2017 và Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 26/8/2019. Mặc dù cháu Vũ Ngọc Mai A có nguyện vọng được ở với chị H và ông C. Tuy nhiên, chị H và anh T1 cùng thống nhất giao con chung Vũ Ngọc Hương G cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Vũ Ngọc Mai A cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (trên 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị H và T1 không có mặt tại Việt Nam, anh chị cùng thống nhất để ông Phạm Văn C chăm sóc con Vũ Ngọc Hương G và để ông Vũ Văn B chăm sóc con Vũ Ngọc Mai A cho đến khi anh chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung Vũ Ngọc Hương G cho chị H; giao con chung Vũ Ngọc Mai A cho anh T1 tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các con thành niên. Tạm giao con Vũ Ngọc Hương G cho ông Phạm Văn C, tạm giao con Vũ Ngọc Mai A cho ông Vũ Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H, anh T1 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T1 cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Vũ Xuân T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc Hương G, sinh ngày 26/8/2019; giao cho anh Vũ Xuân T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc Mai A, sinh ngày 02/02/2017 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Vũ Ngọc Hương G cho ông Phạm Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Ngọc Mai A cho ông Vũ Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H và anh T1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000805 ngày 20/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Xuân T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, ông Phạm Văn C và ông Vũ Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**